TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sỹ Danh Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lương Văn Linh – Cán bộ VIB theo Giấy ủy quyền số 065753.24 ngày 03/4/2924. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Xóm 9, thôn 4, xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H có vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt là VIB) số tiền là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020. Thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán mua xe ô tô. Lãi suất vay thả nổi. Trả gốc, lãi hàng kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 09/10/2020, ông T - bà H đã được VIB giải ngân toàn bộ khoản vay theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1912896(1).20.

Ngày 06/12/2021, ông T đã ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng loại thẻ VIB Reward Unlimited với hạn mức tín dụng là 44.000.000 đồng. Ông T sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 10/12/2021. Quá trình sử dụng thẻ ông T được nâng hạn mức lên 51.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 09/10/2020, ông T - bà H đã ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3004922.20. Thế chấp tài sản là: Xe ô tô tải (pick up cabin kép) nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát: 29H- 433.70, số khung MNCLMFF80LW101172, số máy P4AT2924855. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735797 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2020 mang tên ông Bùi Văn T. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 09/10/2020.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2024, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông T – bà H trả ngay cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ tạm tính đến 01/4/2024 là: 337.800.201 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn hai trăm linh một đồng), trong đó:

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020 là 300.559.642 đồng, gồm: Nợ gốc: 297.903.000 đồng; Nợ lãi: 2.656.642 đồng.

+ Dư nợ theo Hợp đồng/ đơn phát hành thẻ đã ký là 37.240.559 đồng, gồm: Nợ gốc: 27.359.991 đồng, nợ lãi là: 9.880.568 đồng.

- Buộc ông T – bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/4/2024 theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Bị đơn – ông Bùi Văn T trình bày:

Ông xác nhận năm 2020, ông và vợ Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam 02 khoản vay như đại diện ngân hàng đã trình bày. Khoản vay 520 triệu đồng để bổ sung tiền mua xe ô tô và khoản vay thẻ tín dụng với hạn mức là 51 triệu đồng, ông đã sử dụng khoảng gần 30 triệu đồng. Hàng

tháng VIB đều thông báo cho ông biết về việc trả nợ thông qua App của ngân hàng và ông cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Cũng có một vài kỳ ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng trong tháng 8/2024 ông đã thực hiện trả nợ các kỳ tháng 5,6,7/2024 nên không hiểu vì sao ngân hàng khởi kiện đối với vợ chồng ông.

Ông đề nghị VIB sao kê khoản vay để ông được biết cụ thể số tiền nợ và đề nghị VIB miễn toàn bộ tiền nợ lãi, cho ông thanh toán số tiền nợ gốc còn lại trong vòng 06 tháng. Tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Ford biển kiểm soát: 29H-433.70, số khung MNCLMFF80LW101172, số máy P4AT2924855, ông đang quản lý, sử dụng và hiện ngân hàng không cấp Giấy biên nhận thế chấp cho ông nên xe không thể lưu thông được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đối với ông T - bà H. Sau khi đến Tòa ántrình bày ý kiến, ông T không tiếp tục đến làm việc theo các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng trình bày:

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020: Sau khi ngân hàng làm đơn khởi kiện thì ông T - bà H đã thanh toán thêm được 06 lần với tổng số tiền là 137.679.680 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi đồng), đều được VIB thu vào nợ gốc. Các lần cụ thể như sau: Ngày 11/4/2024, nộp 9.213.000 đồng; Ngày 15/5/2024, nộp 80.000 đồng; Ngày 01/8/2024, nộp 9.000.000 đồng; Ngày 05/8/2024, nộp 9.400.000 đồng; Ngày 11/8/2024, nộp 9.986.680 đồng; Ngày 18/9/2024, nộp 100.000.000 đồng.

Tạm tính đến ngày 30/9/2024, dư nợ khoản vay này là: 194.480.294đ (Một trăm chín mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm chín mươi tư đồng), gồm: Nợ gốc: 160.223.320 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.288.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 30.968.837 đồng.

Ngân hàng không tính phạt chậm trả lãi.

+ Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 06/12/2021, tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 52.864.083 đồng, gồm: Nợ gốc: 27.359.991 đồng; lãi: 12.785.191 đồng, phí: 12.718.901 đồng (phí khi rút tiền mặt, phí thông báo tin nhắn, phí duy trì thẻ).

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông T, bà H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến 30/9/2024 như trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện gì khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VIB đối với ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H. Buộc ông T – bà H phải trả cho VIB số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020; Và ông T phải trả khoản vay theo thẻ tín dụng; như đại diện VIB trình bày tại phiên tòa. Ông T – bà H vẫn phải trả cho VIB tiền lãi phát sinh từ 01/10/2024 đối với dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất đã thỏa thuận.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 9, thôn 4, xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà H có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 09/10/2020, ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng tín dụng (Mua ô tô tiêu dùng) số 1912896.20 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để vay số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán mua xe ô tô. Hợp đồng tín dụng còn nêu rõ thỏa thuận của các bên về lãi suất, phương thức trả nợ.

Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân toàn bộ số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng) theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1912896(1).20 ngày 09/10/2020.

Ngoài ra, ngày 06/12/2021, ông T có ký Đề nghị phát hành thẻ (loại thẻ VIB Rewards Unlimited) với hạn mức là 44.000.000 đồng, sau được nâng hạn mức lên 51.000.000 đồng. Ngày 10/12/2021, ông T đã kích hoạt và sử dụng thẻ.

Các chủ thể đã tự nguyện thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 và 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Do đó, các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi:

- Đối với dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020:

Theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1912896(1).20 ngày 09/10/2020, số tiền nợ gốc mà ông T - bà H phải trả vào ngày 10 hàng tháng là 5.417.000 đồng, tiền lãi hàng tháng cũng được trả vào ngày 10 tính trên dư nợ thực tế.

Tại Hợp đồng tín dụng, Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và Khế ước nhận nợ, các bên đã tự nguyện thỏa thuận cụ thể về việc trả gốc, lãi; lãi suất cho vay; phương pháp tính lãi; việc chuyển nợ quá hạn,..... Theo điểm 4.1 Điều 4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng thì với bất kỳ lý do nào, VIB có quyền rút lại khoản tín dụng đã cấp từ bên được cấp tín dụng và yêu cầu bên được cấp tín dụng phải hoàn trả ngay toàn bộ khoản tín dụng cho Ngân hàng. Trường hợp bên được cấp tín dụng không trả theo thông báo của VIB thì VIB có quyền thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ bảng kê tính lãi thể hiện ông T – Bà H đã thực hiện việc trả nợ gốc đầy đủ. Tuy nhiên, ông bà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi của tháng 2, 3, 4/2024. Mặc dù đã được ngân hàng đôn đốc nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ lãi dẫn đến việc toàn bộ nợ bị chuyển sang nợ quá hạn và ngân hàng khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ trước hạn. Tạm tính đến ngày 30/9/2024, tổng số tiền nợ gốc ông T - bà H đã trả được là 359.776.680 đồng, còn nợ 160.223.320đ (Một trăm sáu mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Mức lãi suất của khoản vay đã được VIB áp dụng, điều chỉnh đúng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. VIB cũng đã thực hiện việc thông báo trả nợ và thông báo khởi kiện đến ông T – Bà H. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của VIB về trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như người đại diện trình bày tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông T – bà H phải trả cho VIB số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 194.480.294đ (Một trăm chín mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm chín mươi tư đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 160.223.320đ (Một trăm sáu mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 3.288.137đ (Ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 30.968.837đ (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Ông T – bà H phải tiếp tục trả cho VIB tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với khoản vay thẻ tín dụng theo Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021, ông T là người ký đề nghị và ông T là người sử dụng thẻ. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H đều không có quan điểm trình bày khoản vay này ông T có sử dụng vào mục đích chung của gia đình không nên không xác định đây là nợ chung của ông T - bà H. Do đó buộc ông T phải có trách nhiệm trả VIB khoản vay này. Tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 52.864.083đ (Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn không trăm tám mươi ba đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 27.359.991đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng).

+ Nợ lãi: 12.785.191đ (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).

+ Phí thẻ: 12.718.901đ (Mười hai triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm linh một đồng).

Buộc ông T phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021 cho đến khi tất toán khoản vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của VIB thì lãi suất mà vợ chồng ông T – bà H phải tiếp tục thanh toán cho VIB theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VIB.

[3]. Về án phí: Ông T – bà H phải chịu toàn bộ án phí đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1912869.20 ngày 09/10/2020 là 9.724.000 đồng; Ông T phải chịu toàn bộ án phí đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán theo Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021 là 2.643.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ Điều 7 và 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đối với ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ tính đến 30/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020 là 194.480.294đ (Một trăm chín mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm chín mươi tư đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 160.223.320đ (Một trăm sáu mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 3.288.137đ (Ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 30.968.837đ (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1912896.20 ngày 09/10/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Bùi Văn T trả Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ theo Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021, tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 52.864.083đ (Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn không trăm tám mươi ba đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 27.359.991đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng).

+ Nợ lãi: 12.785.191đ (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).

+ Phí thẻ: 12.718.901đ (Mười hai triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm linh một đồng).

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021 cho đến khi tất toán khoản vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam thì lãi suất mà ông T – bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo quyết định của Tòa án (tại mục 2 và 3 nêu trên) cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

4. Về án phí:

- Ông T – bà H phải chịu toàn bộ án phí đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1912869.20 ngày 09/10/2020 là 9.724.000đ (Chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- Ông T phải chịu toàn bộ án phí đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán theo Đề nghị mở và phát hành thẻ ngày 06/12/2021 là 2.643.000đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 8.445.000đ (Tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020119 ngày 23/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**